

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chế độ trợ cấp một lần đối với
người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của
Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia
sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng
12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết
định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01 tháng
8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10
năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm
chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công
văn số 615/SLĐTBXH-NCC ngày 04 tháng 3 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia
sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a với các nội dung sau:

1. Chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp
Lào và Căm-pu-chi-a và thân nhân người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào
và Căm-pu-chi-a đã từ trần:

Tổng số 23 người, trong đó:

- Đối với người hiện còn sống đủ điều kiện được hưởng trợ cấp một lần:

+ Số người: 16 người;

+ Số tiền: 432.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn)

- Đối với thân nhân của người hưởng chính sách đã từ trần hưởng mức trợ
cấp một lần:

+ Số người đã từ trần: 07 người;

+ *Số tiền: 181.500.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)*

Tổng kinh phí: 613.500.000 đồng (*Sáu trăm mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*)

(Chi tiết tại các phụ lục I, II kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Do ngân sách Trung ương đảm bảo và giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng tỉnh Thanh Hóa tại Mục II Quyết định số 1489/QĐ-LĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phê duyệt số đối tượng và phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức việc chi trả chế độ trợ cấp một lần cho các đối tượng theo đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp một lần, kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.NCC03nh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục I
Tổng hợp thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với người
được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Số người và kinh phí thực hiện chế độ do ngân sách Trung ương đảm nhận					
		Tổng số		Người hiện còn sống		Thân nhân người đã từ trần	
		Người	Kinh phí (đ)	Người	Kinh phí (đ)	Người	Kinh phí (đ)
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
1	Thành phố Thanh Hóa	5	88.500.000	4	75.000.000	1	13.500.000
2	Thành phố Sầm Sơn	5	153.000.000	4	139.500.000	1	13.500.000
3	Huyện Thọ Xuân	5	180.000.000	4	144.000.000	1	36.000.000
4	Huyện Vĩnh Lộc	3	55.500.000	1	9.000.000	2	46.500.000
5	Huyện Thạch Thành	2	49.500.000	1	13.500.000	1	36.000.000
6	Huyện Hậu Lộc	1	36.000.000			1	36.000.000
7	Huyện Quảng Xương	1	36.000.000	1	36.000.000		
8	Huyện Ngọc Lặc	1	15.000.000	1	15.000.000		
	Cộng	23	613.500.000	16	432.000.000	07	181.500.000

**Phụ lục II: Danh sách người hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg
và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian	Mức trợ cấp	Thân nhân	Mức trợ cấp	Quan hệ	Năm sinh
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>
I	Thành phố Thanh Hóa								
1	Lê Thị Hợp	1949	P. An Hưng	6 năm 9 tháng	21.000.000				
2	Trịnh Thị Mai	1947	P. Quảng Thắng	6 năm 10 tháng	21.000.000				
3	Trịnh Thị Diễm	1952	P. Quảng Thắng	6 năm 3 tháng	19.500.000				
4	Lê Thị Hồng	1950	P. Quảng Thắng	4 năm 5 tháng	13.500.000				
5	Nguyễn Đức Định	1948	P. An Hưng	4 năm 5 tháng		Lê Thị Hợp	13.500.000	Vợ	1949
	Cộng				75.000.000		13.500.000		
II	Thành phố Sầm Sơn								
1	Cao Thị Nông	1951	P. Quảng Thọ	10 năm 4 tháng	31.500.000				
2	Đàm Thị Oanh	1938	P. Quảng Châu	16 năm 5 tháng	36.000.000				
3	Lê Đức Nhân	1947	P. Quảng Châu	18 năm 9 tháng	36.000.000				
4	Nguyễn Thị Bồng	1938	P. Quảng Châu	12 năm 6 tháng	36.000.000				
5	Vũ Đình Luật	1952	P. Quảng Thọ	04 năm 5 tháng		Lê Thị Nhội	13.500.000	Vợ	1953
	Cộng				139.500.000		13.500.000		

III	Huyện Thọ Xuân								
1	Lê Ngọc Toán	1947	Xã Xuân Phong	16 năm 6 tháng	36.000.000				
2	Lê Văn Thụ	1947	Xã Tây Hồ	20 năm 2 tháng	36.000.000				
3	Hoàng Thị Tính	1940	Xã Tây Hồ	12 năm 7 tháng	36.000.000				
4	Lê Xuân Việt	1946	Xã Tây Hồ	20 năm 10 tháng	36.000.000				
5	Nguyễn Xuân Đức	1927	Xã Trường Xuân	17 năm 8 tháng		Nguyễn Xuân Hậu	36.000.000	Con	1956
	Cộng				144.000.000		36.000.000		
IV	Huyện Vĩnh Lộc								
1	Phạm Văn Ân	1950	Xã Minh Tân	03 năm	9.000.000				
2	Lê Minh Du	1942	Xã Minh Tân	06 năm 3 tháng		Lê Thị Nga	19.500.000	Con	1973
3	Vũ Hùng Dũng	1950	Xã Minh Tân	08 năm 9 tháng		Phạm Thị Xuân	27.000.000	Vợ	1950
	Cộng				9.000.000		46.500.000		
V	Huyện Thạch Thành								
1	Hoàng Thị Sửu	1951	Xã Thành Long	04 năm 3 tháng	13.500.000				
2	Nguyễn Đình Bảng	1921	Xã Thành Công	13 năm 10 tháng		Quách Công Phúc	36.000.000	Cháu ngoại	1975
	Cộng				13.500.000		36.000.000		

VI	Huyện Hậu Lộc								
1	Nguyễn Quang Cảnh	1947	Xã Phú Lộc	19 năm 10 tháng		Bùi Thị Tâm	36.000.000	Vợ	1953
	Cộng						36.000.000		
VII	Huyện Quảng Xương								
1	Nguyễn Xuân Khánh	1951	Xã Quảng Hải	14 năm 9 tháng	36.000.000				
	Cộng				36.000.000				
VIII	Huyện Ngọc Lặc								
1	Lê Văn Oanh	1952	Xã Minh Sơn	05 năm	15.000.000				
	Cộng				15.000.000				